TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN GÒ DÂU** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh
2. Bà Trần Ánh Nhạn

- T1 ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh T1 – T1 ký Tòa án N dân huyện GD.

- Đại diện Viện Kiểm sát N dân huyện GD, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án N dân huyện GD, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp " Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp TV, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp TV, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị T trình bày: chị và anh N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên; sau khi kết hôn vợ chồng sống bên chồng đến năm 2007 về sống tại ấp TV, xã TĐ, năm 2014 cất nhà ở riêng trên đất của cha, mẹ chị. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do anh N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bị anh N đánh đập nhiều lần, chị đã nộp đơn xin ly hôn sau đó rút lại để anh N sữa

chữa nhưng anh N vẫn tiếp tục đánh đập. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N, về con chung cháu Nguyễn Quỳnh Minh T1, sinh ngày 24-3-2006 và cháu Nguyễn Quỳnh Phương N, sinh ngày 11-9-2015 yêu cầu được tiếp tục nuôi cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh N xác nhận lời trình bày của chị T là đúng. Anh có đập phá đồ trong gia đình nhưng không đánh đập chị T. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát N dân huyện GD:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, T1 ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung vụ án: Chị T và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn; quá trình sống chung đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị T bị anh N đánh đập nhiều lần. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T và anh N ly hôn là có căn theo Điều 56 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: cháu Nguyễn Quỳnh Minh T1, sinh ngày 24-3-2006 và cháu Nguyễn Quỳnh Phương N, sinh ngày 11-9-2015, trong quá trình lấy lời khai cháu T1 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T, cháu N còn quá nhỏ, hai cháu là nữ nên cần sự quan tâm chăm sóc của chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định. Chị T và anh N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2005 có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn N và Gia đình; quá trình sống chung với nhau đến cuối năm 2019 chị T N ngờ anh N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bị anh N đánh đập nhiều lần, chị T đã nộp đơn xin ly hôn sau đó rút lại để anh N sữa chữa; sau đó anh N N ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác nên tiếp tục đánh đập chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho chị T và anh N ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh N thừa nhận có 02 người con chung gồm cháu Nguyễn Quỳnh Minh T1, sinh ngày 24-3-2006 và cháu Nguyễn Quỳnh Phương N, sinh ngày 11-9-2015. Xét thấy, chị T đang làm công N còn anh N

làm nghề lái xe thuê, cho nên chị T có nhiều thời gian cho con cái nhiều hơn anh N; trong quá trình lấy lời khai cháu T1 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T; hai cháu là nữ, cháu N còn nhỏ nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu giao cho chị T phù hợp hơn anh N. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao con cho chị T tiếp tục nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí: chị Nguyễn Quỳnh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Về quan hệ hôn N: cho chị Nguyễn Quỳnh T ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: buộc anh Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ giao hai cháu Nguyễn Quỳnh Minh T1, sinh ngày 24-3-2006 và cháu Nguyễn Quỳnh Phương N, sinh ngày 11-9-2015 cho chị Nguyễn Quỳnh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết. Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000060 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Chi cục T hành án dân sự huyện GD (Chị T đã nộp xong).

5. Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự, thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị Nguyễn Quỳnh T và anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo lên Tòa án N dân tỉnh TN.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện GD;
- CC.THADS huyện GD;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng